

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/DS - PT

Ngày: 03- 6 - 2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
bảo hiểm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông **Trần Mạnh Dũng**

Các Thẩm phán:

Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Lê Thị Hà Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2024/QĐ - PT ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lương Văn H, sinh năm 1972;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Thị P, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Ngô Thanh T, Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q.

- **Bị đơn:** Tổng Công ty B;

Địa chỉ: Số A đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V. Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty B.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Đỗ Phương A, Chức vụ: Phó Giám đốc Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ.

+ Ông Đinh Duy H1. Chức vụ: Phó Giám đốc Ban giám định bồi thường Hàng hải.

+ Bà Đỗ Minh A1. Chức vụ: Chuyên viên Ban pháp chế và Kiểm tra nội bộ.

+ Ông Nguyễn Văn D. Chức vụ: Phó Trưởng phòng giám định bồi thường-Công ty B.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ngân hàng N (A2).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V1. Chức vụ: Tổng Giám đốc A2.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân H2. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Agribank huyện A2.

Địa chỉ: Khố phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Bùi Thị P, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn Tổng Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 27-8-2019, ông Lương Văn H đã ký hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNA.BHHS.19.1611 với Công ty B về việc mua bảo hiểm cho tàu cá số hiệu QNa-90974-TS của ông H làm chủ sở hữu. Cụ thể: Số tiền bảo hiểm là 2.450.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn bảo hiểm từ ngày 28-8-2019 đến ngày 28-8-2020.

Lúc 12 giờ 20 phút ngày 02-6-2020, tàu cá số hiệu QNa-90974-TS của ông Lương Văn H do ông H làm thuyền trưởng xuất bến tại Trạm kiểm soát Biên phòng A3, huyện N, tỉnh Quảng Nam, trên tàu có 05 thuyền viên ra khơi để hành nghề câu mực, có đủ điều kiện xuất bến theo quy định kiểm soát phương tiện của Trạm kiểm soát Biên phòng A3. Khi đang di chuyển ra khơi đến 19 giờ cùng ngày tàu đang ở tại vị trí tọa độ 15⁰32'N 109⁰16'E thì tàu của ông Lương Văn H bất ngờ bị gió đông, sóng biển lớn đánh khiến tàu bị vỡ be hai bên mũi làm nước tràn vào tàu. Ông H đã hô hào thuyền viên sử dụng 02 máy bơm để bơm nước và lấy can nhựa tát nước ra khỏi tàu, nhưng do bị vỡ be to quá nên không khắc phục được. Lúc đó, ông H thấy cách khoảng 08 đến 09 hải lý có ánh sáng điện nên ông H cho tàu chạy đến nhờ hỗ trợ, nhưng đến gần cách khoảng 500m thì tàu bị chết máy và chìm dần. Nhận thấy không thể cứu tàu được nên ông H cho các thuyền viên lên 04 chiếc thùng câu rời tàu và chèo đến 01 tàu cá gần đó là tàu số hiệu QNg-98772 –TS của tỉnh Quảng Ngãi và được tàu cá này cứu vớt ông H cùng toàn bộ thuyền viên lên tàu.

Sau khi được cứu và đưa vào bờ, ông H đã trình báo toàn bộ sự việc cho Trạm kiểm soát Biên phòng A3 và thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý khai báo, làm hồ sơ đề nghị Công ty B chi trả tiền bảo hiểm tàu cá cho ông H theo hợp đồng bảo hiểm và đã hoàn thành đầy đủ hồ sơ hợp lệ vào ngày 19/12/2020. Nhưng phía Công ty B không thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm tàu cá cho ông H theo hợp đồng đã ký.

Nay ông Lương Văn H yêu cầu Tòa án buộc Tổng Công ty B chi trả tiền bảo hiểm tàu cá QNa-90974-TS với số tiền bảo hiểm sau khi khấu trừ 02% số tiền bồi thường theo hợp đồng là 2.401.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm lẻ một triệu đồng) và lãi suất chậm thanh toán tiền bảo hiểm kể từ ngày 19/12/2020 (ngày nộp đủ hồ sơ yêu

cầu bảo hiểm theo xác nhận tại Báo cáo giám định của Công ty Cổ phần V4) tạm tính đến ngày 07-7-2023 là 02 năm 06 tháng với mức lãi suất 10%, thành tiền là 600.250.000đồng.

- ***Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*** Thống nhất với nội dung trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

- ***Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:***

Tổng Công ty B (gọi tắt: Bảo hiểm B) thừa nhận ông Lương Văn H có tham gia bảo hiểm đối với tàu cá số hiệu QNa-909.74-TS theo hợp đồng bảo hiểm tàu cá số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019. Ngày 02/6/2020 tàu cá số hiệu QNa-909.74-TS gặp nạn trên vùng biển Việt Nam. Ngày 03/6/2020 ông Lương Văn H đã có thông báo tổn thất và Bảo hiểm B đã cử nhân viên đến nhà ông H để thu thập hồ sơ. Ngày 09/6/2020, Bảo hiểm B đã có yêu cầu giám định gửi Công ty Cổ phần V4 để yêu cầu giám định tổn thất đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS. Tuy nhiên, căn cứ vào Báo cáo Giám định cuối cùng về tổn thất thân tàu cá số 36 TT/20VJC ngày 11/5/2023 của Công ty Cổ phần V4 thì nguyên nhân tàu cá QNa-90974-TS bị chìm theo khai báo của chủ tàu là do gió Tây Nam cấp 5 đến cấp 6, kèm theo gió đông lốc dẫn đến sóng lớn va đập vào xỏ mũi gây bể vỡ chìm tàu đã không phù hợp với tình hình thời tiết thực tế tại khu vực tàu bị chìm như văn bản số 174/ĐKTTVTTTB ngày 06/5/2022 của Đài khí tượng thủy văn Khu vực Trung Trung bộ xác báo. Mặt khác, theo báo cáo giám định thì nhận thấy tàu QNa-90974-TS đã được sử dụng 08 năm, thời gian tàu được đưa lên đà bảo dưỡng hồ xảm, sơn vỏ tàu cũng đã 11 tháng, trong điều kiện thời tiết bình thường của chuyến hành trình mà tàu xảy ra tai nạn thì khả năng lớn là do hao mòn mục thủng tự nhiên vỏ tàu nên khi hành trình đi biển chịu tác động của sóng gió gây phá nước chìm tàu.

Trên cơ sở Báo cáo Giám định cuối cùng về tổn thất thân tàu cá số 36 TT/20VJC ngày 11/5/2023 thì Bảo hiểm B không thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H.

Về đơn vị giám định độc lập là Công ty Cổ phần V4, là đơn vị do Bảo hiểm Bảo V2 chỉ định giám định và có trách nhiệm thay mặt Tổng công ty B làm việc, yêu cầu người được bảo hiểm cung cấp hồ sơ để ban hành báo cáo giám định và chịu trách nhiệm về báo cáo giám định của mình. Việc Bảo hiểm Bảo V2 yêu cầu Công ty Cổ phần V4 giám định thì Bảo hiểm B tự yêu cầu, không hỏi ý kiến của ông Lương Văn H.

Về thời điểm Công ty Cổ phần V4 nhận đủ hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của ông Lương Văn H thì Bảo hiểm B không nắm được vì ông H tự nộp cho Công ty Cổ phần V4.

Bảo hiểm Bảo V2 chỉ chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu bảo hiểm của ông Lương Văn H trên cơ sở hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đầy đủ và thời hạn để chấp nhận hay không chấp nhận bảo hiểm là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Ngày nhận đủ

hồ sơ theo Bảo hiểm B xác định là ngày 11/5/2023 - ngày Công ty Cổ phần V4 có Báo cáo Giám định cuối cùng về tổn thất thân tàu cá số 36 TT/20VJC. Tính từ ngày 11/5/2023 đến nay thì Bảo hiểm B vẫn chưa có văn bản chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu bảo hiểm của ông Lương Văn H. Tuy nhiên, ông Lương Văn H đã khởi kiện thì phía bị đơn có ý kiến không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn không thống nhất ngày mà nguyên đơn cho rằng đã nộp đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường là ngày 19/12/2020 vì ngày 28/6/2022 Công ty Cổ phần V4 đã có văn bản số 146/VJC yêu cầu ông H bổ sung thêm chứng cứ và đã gửi qua bưu điện cho ông H, nhưng không rõ thời gian gửi. Tuy nhiên, hiện nay phía bị đơn chưa cung cấp được chứng cứ về việc gửi văn bản yêu cầu cho ông H.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Bùi Thị P trình bày:

Tàu cá số hiệu QNa-90974-TS là tài sản chung vợ chồng tôi (Lương Văn H và Bùi Thị P). Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn H và trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N (A2) trình bày:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12/02/2020, ông Lương Văn H có vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện N, tỉnh Quảng Nam, số tiền: 2.700.000.000đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là tàu cá số hiệu QNa-90974-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17B/01/2019-HĐTC ngày 21/01/2019 đã được đăng ký giao dịch đảm bảo.

Tàu cá đăng ký số hiệu QNa-90974-TS đã gặp tai nạn và bị chìm trên biển, ông Lương Văn H khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty B phải bồi thường tiền bảo hiểm. Vì vậy, Ngân hàng N đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xem xét, nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn H thì đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ xem xét giải quyết:

Buộc Tổng Công ty B phải chuyển tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90974-TS của ông Lương Văn H cho Ngân hàng N là người thụ hưởng đầu tiên và duy nhất theo nội dung thỏa thuận tại Điều 3 của Cam kết chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm số QNA.BHHS.19.161 ngày 27/08/2019 ký giữa 03 bên là Ngân hàng N-Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam với ông Lương Văn H và Công ty B. Tạm tính đến ngày 05/7/2023, ông Lương Văn H phải trả cho Ngân hàng N khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12/02/2020, gồm: nợ gốc: 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ, bảy trăm triệu đồng); nợ lãi: 1.041.616.653đồng (Một tỷ, không trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng). Tổng cộng: 3.741.616.653đồng (Ba tỷ, bảy trăm bốn mươi một triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng).

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Tổng Công ty B chuyển số tiền chi trả bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90974-TS cho ông Lương Văn H vào số tài khoản: 459901 của

Ngân hàng N-Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam để thanh toán cho khoản nợ vay và lãi vay của ông H theo hợp đồng tín dụng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ: Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 3 Điều 16, Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 40, Điều 46 và Điều 47 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010 và năm 2019); Điều 117, Điều 274, Điều 275, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn H đối với bị đơn Tổng Công ty B, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”*

Buộc Tổng Công ty B phải bồi thường tiền bảo hiểm thân vỏ, máy móc và trang thiết bị của tàu cá số hiệu QNa-90974-TS cho ông Lương Văn H và bà Bùi Thị P theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019, số tiền: 2.401.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm lẻ một triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm, số tiền: 599.583.056 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cộng: 3.000.583.056 đồng (Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc Tổng Công ty B phải chuyển trả số tiền bồi thường bảo hiểm đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS và tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm, tổng cộng: 3.000.583.056 đồng (Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng) cho người thụ hưởng là Ngân hàng N (chuyển vào tài khoản số: 459901 của Ngân hàng N-Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Lương Văn H theo Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12-02-2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, nghĩa vụ chậm trả tiền và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 7 năm 2023, bị đơn Tổng công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Tổng công ty B

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn Tổng công ty B không rút đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: bị đơn Tổng công ty B kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Những người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty B gồm bà Đỗ Phương A; ông Đinh Duy H1 và bà Đỗ Minh A1 đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Tổng công ty B thì thấy:

[2.1] Tổng công ty B cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa các Công ty bảo hiểm thành viên gồm Bảo M; Petrolimex ;PVI vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người cơ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, làm ảnh hưởng đến quyền, ích hợp pháp của các Công ty này.

HĐXX xét thấy, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm Tổng công ty B không cung cấp được cho Tòa án hợp đồng bảo hiểm ký kết giữa ông Lương Văn H với các Công ty B1; Petrolimex; PVI và Tổng công ty B. Hơn nữa, theo Hợp đồng nguyên tắc đồng bảo hiểm khai thác hải sản số 01/2014/ĐBH và Biên bản thỏa thuận phương án đồng bảo hiểm khai thác hải sản số 01/2014 được ký giữa Tổng công ty B, Bảo M; Petrolimex; PVI, thì Tổng công ty B là Doanh nghiệp bảo hiểm đứng đầu (L) tại địa bàn Quảng Nam với tỷ lệ bảo hiểm là 55%; các Doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm còn lại Bảo M; Petrolimex; PVI (F) với tỷ lệ bảo hiểm là 15%. Tại Điều 2, trong Hợp đồng nguyên tắc đồng bảo hiểm khai thác hải sản số 01/2014/ĐBH ghi rõ Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty bảo hiểm đứng đầu (L) là Tổng công ty B phải có nghĩa vụ ký hợp đồng bảo hiểm, giải quyết bồi thường, chi trả tiền bồi thường và có quyền yêu cầu các Công ty đồng bảo hiểm góp tiền bồi thường theo tỷ lệ đồng bảo hiểm khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra. Trong vụ án này Tổng công ty B ký hợp đồng bảo hiểm với ông Lương Văn H nên Tổng công ty B phải có nghĩa vụ giải quyết bồi thường, chi trả tiền bồi thường cho ông Lương Văn H. Do vậy, Tổng công ty B cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa các Công ty bảo hiểm thành viên gồm Bảo M; Petrolimex; PVI vào tham gia tố tụng trong vụ án

với tư cách là người cơ quyền lợi và nghĩa vụ vụ liên quan là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Tàu cá số hiệu QNa-90974-TS là tài sản chung của vợ chồng ông Lương Văn H và bà Bùi Thị P được Chi cục Thủy sản tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 0001/2019/GCNĐK ngày 03-10-2019 đứng tên chủ tàu là ông Lương Văn H và được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số 0925/2020/QNa-GPKTTS ngày 22-5-2020 với nghề chính là câu mực trên vùng khơi biển Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019 thì tàu cá số hiệu QNa-90974-TS của ông Lương Văn H được Công ty B (thuộc Tổng Công ty B) bảo hiểm, gồm: Thân vỏ tàu, máy móc và trang thiết bị với tổng giá trị bảo hiểm: 2.450.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó: Vỏ tàu là 1.500.000.000 đồng, máy móc là 450.000.000 đồng và trang thiết bị là 500.000.000 đồng; Bảo hiểm tai nạn thuyền viên: 3.220.000.000 đồng; thời hạn bảo hiểm kể từ 00 giờ 00 phút ngày 28-8-2019 đến 24 giờ 00 phút ngày 27-8-2020.

Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019 đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS là một dạng của hợp đồng bảo hiểm, đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự được quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010 và năm 2019) nên phát sinh hiệu lực kể từ 00 giờ 00 phút ngày 28-8-2019 đến 24 giờ 00 phút ngày 27-8-2020 được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019.

[2.3] Về nguyên nhân dẫn đến sự kiện pháp lý làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019:

Theo ông Lương Văn H và các thuyền viên trên tàu khai báo: Trong khi tàu cá số hiệu QNa-90974-TS đang di chuyển ra khơi đến 19 giờ ngày 02-6-2020 tàu đang ở tại vị trí tọa độ 15⁰32'N 109⁰16'E thì bất ngờ bị gió đông, sóng biển lớn đánh khiến tàu bị vỡ be hai bên mũi nước tràn vào làm tàu bị chìm, mặc dù ông Lương Văn H và các thuyền viên trên tàu đã sử dụng mọi biện pháp để cứu tàu nhưng không được nên đã bỏ tàu.

Phía Tổng Công ty B căn cứ Báo cáo giám định số 36TT/20JVC ngày 11-5-2023 của Công ty Cổ phần V4 (đơn vị được Tổng Công ty B yêu cầu thực hiện giám định nguyên nhân và tổn thất do chìm tàu) cho rằng nguyên nhân tàu cá số hiệu QNa-909.74-TS bị chìm theo khai báo của ông H không phù hợp với thời tiết tại khu vực theo thông báo tại văn bản số 174/ĐKTTVTTTB ngày 06-5-2022 của Đài khí tượng thủy văn Khu vực T1 và việc tàu cá QNa-90974-TS đã được sử dụng 08 năm, thời gian tàu được đưa lên đà bảo dưỡng hồ xảm, sơn vỏ tàu cũng đã 11 tháng thì “...*khả năng lớn là do hao mòn mục thủng tự nhiên vỏ tàu nên khi hành trình đi biển chịu tác*

động của sóng gió gây phá nước chìm tàu.” để không cấp nhận chi trả tiền bảo hiểm theo yêu cầu của ông Lương Văn H.

Xét thấy rằng: Về văn bản số 174/ĐKTTVTTTB ngày 06-5-2022 của Đài khí tượng thủy văn Khu vực T1 cung cấp thông tin thời tiết trên vùng biển tàu cá QNa-909.74-TS bị chìm cho Công ty Cổ phần V4 xác báo về thời tiết lúc 19 giờ ngày 02-6-2020 tại vị trí tọa độ 15⁰32'N 109⁰16'E dựa trên cơ sở ảnh mây vệ tinh và quan trắc khí tượng thủy văn. Kết quả này không thể ghi nhận những hình thái thời tiết cục bộ diễn biến nhanh vào những thời điểm nhất định trên vùng biển được xác báo. Việc báo cáo giám định cho rằng nguyên nhân tai nạn làm tàu chìm là do mòn, thủng tự nhiên là không có cơ sở, bởi lẽ: theo Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá số 4800855 cấp ngày 20-12-2019 của Chi cục Thủy sản Q thì tàu cá QNa-90974-TS đủ điều kiện an toàn kỹ thuật để hoạt động đến hết ngày 18-12-2020. Hơn nữa, tàu không được Tổng Công ty B và Công ty Cổ phần V4 để giám định nguyên nhân làm chìm tàu, đây chỉ là suy luận mang tính chủ quan về nguyên nhân chìm tàu mà không có chứng cứ để chứng minh nên không được chấp nhận. Do đó, có cơ sở để xác định nguyên nhân dẫn đến sự kiện pháp lý làm phát sinh trách nhiệm bảo hiểm đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019 là do bị gió đông, sóng biển lớn đánh khiến tàu bị vỡ be hai bên mũi nước tràn vào làm tàu bị chìm như lời trình bày của ông Lương Văn H và các thuyền viên là có căn cứ.

[2.4] Về việc Tổng Công ty B không đồng ý trả tiền lãi do chậm trả tiền bảo hiểm cho ông Lương Văn H.

Tổng Công ty B cho rằng thời hạn để chấp nhận hay không chấp nhận bảo hiểm là 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Ngày nhận đủ hồ sơ theo Tổng Công ty B xác định là ngày 11-5-2023 - ngày Công ty Cổ phần V4 có Báo cáo Giám định cuối cùng về tổn thất thân tàu cá số 36 TT/20VJC là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ: Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty B là ông Nguyễn Xuân V - Tổng Giám đốc đã xác nhận tại bản tự khai ngày 26-6-2023: “... Ngay sau khi xảy ra sự cố, chủ tàu đã thông báo tổn thất tới Công ty B, UBND xã T và Đoàn biên phòng A4 để trình báo vụ việc... Ngày 09-12-2022, BHBV nhận được Báo cáo giám định cuối cùng số 36TT/20VJC ... Báo cáo giám định cuối cùng số 36TT/20VJC ngày 09-12-2022 do Công ty Cổ phần V4 phát hành ...”.

Tiếp sau đó, Công ty Cổ phần V4 lại ra Báo cáo Giám định cuối cùng về tổn thất thân tàu cá số 36 TT/20VJC ngày 11-5-2023 sau khi Tòa án thụ lý vụ án. Báo cáo này có nội dung tương tự với Báo cáo giám định cuối cùng số 36TT/20VJC ngày 09-12-2022 do Công ty Cổ phần V4 phát hành chỉ có phần xác định nguyên nhân dẫn đến tàu cá số hiệu QNa-90974-TS bị chìm ghi rõ hơn, nhưng nội dung cơ bản không thay đổi.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xác định các giấy tờ trên do ông Lương Văn H sao công chứng và nộp cho Công ty B và Công ty Cổ phần V4 đầy đủ hồ sơ vào khoảng thời gian nửa cuối tháng 6 năm 2020 nhưng

không có lập giấy biên nhận. Lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận vì phù hợp với thời điểm công chứng các giấy tờ trên và phù hợp với nội dung Công văn số 221 /VJC ngày 29/9/2020 của Công ty Cổ phần V4 yêu cầu ông H cung cấp thêm một số tài liệu đều nằm ngoài các tài liệu bắt buộc qui định tại Điều 8 của Quy tắc, điều khoản biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (Được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16-12-2015 của Bộ T2). Do đó, không có cơ sở để chấp nhận việc đại diện Tổng Công ty B cho rằng ông H không nộp đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Như vậy, sau khi sự cố tai nạn chìm tàu xảy ra ngày 02-6-2020 đến ngày 09-12-2022 thì Công ty Cổ phần V4 mới ban hành Báo cáo giám định cuối cùng số 036TT/20VJC (lần đầu) là chậm trễ, kéo dài thời gian giám định (02 năm 06 tháng) mặc dù đã xác định không tiến hành trục vớt tàu do chi phí trục vớt cao hơn giá trị bảo hiểm theo hợp đồng (báo giá trục vớt ngày 15-6-2020 của Công ty TNHH V5 Nguyễn Văn V3 là 2.500.000.000 đồng, báo giá trục vớt ngày 15-6-2020 của Công ty T3 là 3.000.000.000 đồng) và phía Tổng Công ty B sau khi nhận báo cáo giám định cũng không có văn bản thông báo cho ông Lương Văn H biết việc có chấp nhận hay không chấp nhận chi trả tiền bồi thường đối với tổn thất của tàu cá số hiệu QNa-90974-TS hay không, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người được bảo hiểm tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận lời khai của người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn, xác định ngày ông Lương Văn H nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ là thời điểm Công ty Cổ phần V4 nhận được Giấy yêu cầu bồi thường, chi trả tiền bảo hiểm của ông Lương Văn H vào ngày 19-12-2020 theo xác nhận tại mục IX của Báo cáo giám định cuối cùng số 036TT/20VJC ngày 09-12-2022.

Theo quy định tại Điều 10 của Quy tắc, điều khoản biểu phí bảo hiểm thân tàu khai thác hải sản xa bờ, tàu dịch vụ hậu cần khai thác hải sản xa bờ (Được chấp thuận đăng ký theo Công văn số 18759/BTC-QLBH ngày 16-12-2015 của Bộ T2), thì: *“Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, doanh nghiệp B2 phải bồi thường trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp từ chối bồi thường phải giải thích rõ lý do bằng văn bản”*.

Do đó, xác định ngày Tổng Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm cho ông Lương Văn H là từ ngày 08-01-2021.

Tại Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019 đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS, các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán tiền bảo hiểm. Vì vậy, mức lãi suất chậm trả được áp dụng là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Tổng Công ty B xác nhận là không thực hiện trục vớt tàu được tàu cá số hiệu QNa-90974-TS do chi phí trục vớt, sửa chữa tàu lớn hơn giá trị hợp đồng bảo hiểm. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giao xác

tàu cá số hiệu QNa-90974-TS cho Tổng Công ty B được. Như vậy, tổn thất của tàu cá số hiệu QNa-90974-TS trong vụ tai nạn được xác định là 100%.

Do tàu cá số hiệu QNa-90974-TS là tài sản chung vợ chồng ông Lương Văn H, bà Bùi Thị P. Vì vậy, có cơ sở buộc Tổng Công ty B chi trả tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm và trả tiền lãi suất chậm thanh toán tiền bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90974-TS cho ông H, bà P.

Buộc Tổng Công ty B chi trả tiền bảo hiểm thân vỏ, máy móc và trang thiết bị của tàu cá số hiệu QNa-90974-TS cho ông Lương Văn H và bà Bùi Thị P sau khi đã khấu trừ 02% số tiền bồi thường, tương ứng số tiền: 2.450.000.000 đồng - (2.450.000.000 đồng x 02%) = **2.401.000.000 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm lẻ một triệu đồng) theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm: Ngày Tổng Công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 08 tháng 01 năm 2021 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 07-7-2023) là 02 năm 05 tháng 29 ngày, lãi suất 10%/năm, thành tiền: 2.401.000.000 đồng x 10% x 02 năm 05 tháng 29 ngày = **599.583.056 đồng** (Năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cộng: **3.000.583.056 đồng** (Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng).

Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty B.

[2.5] Về việc chuyển quyền thụ hưởng tiền bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90974-TS:

Theo Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12-02-2020, ông Lương Văn H vay Ngân hàng N- Chi nhánh huyện N, số tiền **2.700.000.000 đồng** (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng), tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là tàu cá số hiệu QNa-90974-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 17B/01/2019-HĐTC ngày 21-01-2019 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Theo Cam kết chuyển quyền thụ hưởng bảo hiểm số: QNA.BHHS.19.161 ngày 27-8-2019 giữa Công ty B, ông Lương Văn H và Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N thì Ngân hàng N – Chi nhánh huyện N là đơn vị thụ hưởng duy nhất số tiền bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90974-TS trong phạm vi khoản nợ (gốc và lãi vay). Tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 07-7-2023 thì dư nợ của ông Lương Văn H theo Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12-02-2020, gồm: nợ gốc 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng), nợ lãi 1.041.616.653 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi mốt triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng*). Tổng cộng: 3.741.616.653 đồng (*Ba tỷ, bảy trăm bốn mươi mốt triệu, sáu trăm mười sáu ngàn, sáu trăm năm mươi ba đồng*). Vì vậy, có đủ cơ sở để buộc Tổng Công ty B phải chuyển trả số tiền bồi thường bảo hiểm tàu cá số hiệu QNa-90974-TS theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019 và tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm, tổng cộng: **3.000.583.056 đồng** (Ba tỷ,

năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng) cho người thụ hưởng là Ngân hàng N (chuyển vào tài khoản số: **459901** của Ngân hàng N-Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và lãi vay của ông Lương Văn H theo Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12-02-2020.

[3]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Tổng Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền: 92.011.660 đồng (*Chín mươi hai triệu, không trăm mười một ngàn, sáu trăm sáu mươi đồng*).

Hoàn trả cho ông Lương Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp: 45.808.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, tám trăm lẻ tám ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009953 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng công ty B, nên bị đơn Tổng công ty B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Tổng công ty B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 141/2023/DS-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ: Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm a khoản 3 Điều 16, Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 32, Điều 40, Điều 46 và Điều 47 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010 và năm 2019); Điều 117, Điều 274, Điều 275, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn H đối với bị đơn Tổng Công ty B, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*";

Buộc Tổng Công ty B phải bồi thường tiền bảo hiểm thân vỏ, máy móc và trang thiết bị của tàu cá số hiệu QNa-90974-TS cho ông Lương Văn H và bà Bùi Thị P theo Giấy chứng nhận bảo hiểm khai thác hải sản số QNA.BHHS.19.1611 ngày 27-8-2019, số tiền: **2.401.000.000 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm lẻ một triệu đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm, số tiền: **599.583.056 đồng** (Năm trăm chín mươi chín triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng). Tổng cộng: **3.000.583.056 đồng** (Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng).

Buộc Tổng Công ty B phải chuyển trả số tiền bồi thường bảo hiểm đối với tàu cá số hiệu QNa-90974-TS và tiền lãi do chậm thanh toán tiền bảo hiểm, tổng cộng: **3.000.583.056 đồng** (Ba tỷ, năm trăm tám mươi ba ngàn, không trăm năm mươi sáu đồng) cho người thụ hưởng là Ngân hàng N (chuyển vào tài khoản số: **459901** của Ngân hàng N-Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam) để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Lương Văn H theo Hợp đồng tín dụng số 4208LAV202000189 ngày 12-02-2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền mà người phải thi hành án có nghĩa vụ phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Tổng Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền: 92.011.660 đồng (*Chín mươi hai triệu, không trăm mười một ngàn, sáu trăm sáu mươi đồng*).

Hoàn trả cho ông Lương Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp: 45.808.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, tám trăm lẻ tám ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009953 ngày 03 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Tổng công ty B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (03/06/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Dũng

